



Số: 205 - 2024/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 21/6/2024
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Vũng Rô
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 21B09/24
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 11/6/2024
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCĐP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,16
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,67
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,08
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12,12
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	18,20
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	< LOQ = 0,005
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	< LOQ = 4,923
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	66
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,25
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,60
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	1,03
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,007)
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,55
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Tấn Thuận

Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú:

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



VILAS 746

Số: 206 - 2024/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 21/6/2024

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Hộ dân khu vực Cảng Vũng Rô
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 22M₁09/24
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 11/6/2024
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCĐP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,13
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,65
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,09
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	14,82
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	19,21
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	< LOQ = 0,005
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	< LOQ = 4,923
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	67
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,15
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,60
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,84
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,03
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,37
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Tôn Thuận

Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Võ Bá Duy Huân

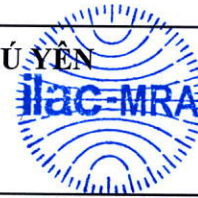
Trần Quang Vinh

Ghi chú: *Nguyễn Tôn Thuận*

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
 05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 207 - 2024/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 21/6/2024
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối tuyến Bãi Ngà - NMN Vũng Rô
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 23M₂09/24
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 11/6/2024
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCDP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW2150:2023 SMEWW2160:2023	Không có mùi,	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN6492:2011	6 - 8,5	7,28
3	Độ đục (*)	NTU	TCVN12402-1:2020	2	0,65
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0,3	0,08
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	15,16
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	21,23
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	0,05	< LOQ = 0,005
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2015	15	< LOQ = 4,923
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW-2540C:2023	1000	66
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	2	0,10
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,60
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,042)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0,65
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	0,3	0,01
15	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,2 - 1	0,23
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Văn Thuận

Nguyễn Văn Thuận

Trần Quang Vinh

Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú:
 - (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
 - LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 05

Ngày ban hành: 31/12/2021